

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST
Ngày 12 - 3 - 2018
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN THUY, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Kho

Bà Đặng Thị Đôi

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Phụng - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018 về "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1988

ĐKNKTT: Tổ 8, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; hiện ở: Xóm 4, thôn T, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 28/12/2017 và bản tự khai chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị và anh Bùi Văn H lấy nhau trên cơ sở tự nguyện được hai bên gia đình tổ chức hỏi cưới theo phong tục truyền thống của Việt Nam và có làm thủ tục

đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận D vào ngày 31/7/2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị và anh H bất đồng với nhau về lối sống, phong cách sống. Anh H ham mê cờ bạc và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Thực tế chị đã từng làm đơn xin ly hôn anh H nhưng sau đó suy nghĩ lại cho anh H một cơ hội nên chị rút đơn và Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 09/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2017. Tuy nhiên do anh H vẫn không thay đổi tính nết, vợ chồng lại xảy ra cãi vã xúc phạm lẫn nhau. Hai bên gia đình động viên hòa giải nhưng không đạt được kết quả. Từ cuối năm 2017 đến nay chị và anh H lại sống ly thân nhau, không liên quan đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Nay bản thân chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống và sinh hoạt mới.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Bùi Anh T, sinh ngày 11/02/2013. Ly hôn chị nhận nuôi cháu T vì chị có chỗ ở và công việc, thu nhập ổn định. Về cấp dưỡng nuôi con chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Văn H: Vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì lý do bận công việc. Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của anh Bùi Văn H, thể hiện về thời gian lấy nhau, nguyên nhân mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân giữa anh và chị Nguyễn Thị D là phù hợp với lời khai của chị D. Anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị D được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị D có 01 con chung là Bùi Anh T, sinh ngày 11/02/2013. Ly hôn anh nhận nuôi cháu T đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con anh và chị D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Anh và chị D không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy: Chị Nguyễn Thị D và anh Bùi Văn H mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, yêu cầu của chị D phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28;

khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D được ly hôn anh H; về con chung: Do con chung vẫn còn nhỏ, chị D có thu nhập và chỗ ở ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là Bùi Anh T, sinh ngày 11/02/2013 cho chị D nuôi là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị D và anh H tự thỏa thuận nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết. Về tài sản chung, công nợ: Chị D và anh H không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện K nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Bùi Văn H là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Bùi Văn H có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận D vào ngày 31/7/2012. Như vậy hôn nhân giữa chị D và anh H là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng với nhau về quan điểm sống, lối sống. Anh H không lo làm ăn, tụ tập bạn bè chơi bời cờ bạc và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Xác minh theo yêu cầu của nguyên đơn tại chính quyền địa phương xã M, huyện K và gia đình cho biết: Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ đầu năm 2013 đến nay ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, thực tế vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2013 đến nay không liên quan đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Xét mâu thuẫn của chị D và anh H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị D phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử

áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị D được ly hôn với anh H.

[3] Về con chung: Chị D và anh H có 01 con chung là Bùi Anh T, sinh ngày 11/02/2013. Trong quá trình giải quyết vụ án chị D và anh H đều có nguyện vọng được nuôi con nhưng xác minh và thu thập chứng cứ cũng như lời khai tại phiên tòa cho thấy chị D có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định. Mặt khác con chung của anh chị còn nhỏ nên Hội đồng xét xử giao con chung Bùi Anh T cho chị D nuôi là phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị D và anh H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Chị D và anh H đều không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị D và anh Bùi Văn H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58 và Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Bùi Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Bùi Anh T, sinh ngày 11/02/2013 cho chị Nguyễn Thị D nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Thị D và anh Bùi Văn H tự thỏa thuận không yêu cầu. Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã

nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA.0006052 ngày 04/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng; chị Nguyễn Thị D đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Bùi Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS K;
- Các đương sự;
- UBND phường H, quận D;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Giang

